

Số: 04 /2020/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 06 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

VP. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - KG Về việc Quy định giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn
thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2020-2030

Số: ... 373
ĐẾN Ngày: 08/04/20
Chuyển: web
Lưu hồ sơ số:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

~~Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;~~

~~Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;~~

~~Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;~~

~~Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;~~

~~Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;~~

~~Căn cứ Thông số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;~~

~~Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 38/TTr-SXD ngày 09/01/2020.~~

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2020-2030.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình (gọi chung là hộ thoát nước) có hoạt động xả nước thải vào hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Rạch Giá và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

b) Hộ thoát nước đã thanh toán tiền dịch vụ thoát nước thì không phải trả phí bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Điều 2. Giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2020-2030 (Chưa bao gồm thuế GTGT)

ĐVT: Đồng/m³

Số TT	Đối tượng	Năm 2020	Năm 2021-2022	Năm 2023-2024	Năm 2025-2026	Năm 2027-2028	Năm 2029-2030
1	Hộ gia đình và cơ quan hành chính sự nghiệp	700	830	1.030	1.230	1.430	1.630
2	Đơn vị kinh doanh dịch vụ	1.050	1.245	1.545	1.845	2.145	2.445
3	Đơn vị sản xuất vật chất	1.400	1.660	2.060	2.460	2.860	3.260

Điều 3. Phương thức thu và quản lý, sử dụng nguồn thu dịch vụ thoát nước

1. Phương thức thu:

- Đối với các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Kiên Giang: Căn cứ khối lượng nước sạch tiêu thụ hàng tháng và mức giá dịch vụ thoát nước quy định tại Điều 2, Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Kiên Giang tổ chức thu tiền dịch vụ thoát nước thông qua hóa đơn tiền nước.

- Đối với các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, UBND thành phố Rạch Giá chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng phương án thu tiền dịch vụ với định mức xả thải được xác định căn cứ theo lượng nước sạch tiêu thụ bình quân một người là 4m³/tháng, đối với những địa phương không tính được theo người thì tính theo hộ dân cư là 16m³/tháng.

2. Quản lý, sử dụng nguồn thu từ dịch vụ thoát nước:

Nguồn thu từ dịch vụ thoát nước thải được để lại 5% trên tổng số thu thực tế để chi trả chi phí dịch vụ đi thu; thực hiện các nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có), phần còn lại nộp vào ngân sách Nhà nước để sử dụng cho các mục đích đầu tư, duy trì, phát triển hệ thống thoát nước và các chi phí hợp lệ khác theo quy định hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá và Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Kiên Giang tổ chức triển khai và kiểm tra thực hiện Quyết định này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá; Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Kiên Giang và các cơ quan, tổ

chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 4 năm 2020./

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Website Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UB MTTQ VN tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, SXD. cvquoc. (7 9 b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng